**KẾ HOẠCH DẠY HỌC**

**MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 8 – PHÂN MÔN SINH HỌC (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống)**

**NĂM HỌC 2023 – 2024**

 Tổng số tiết trong năm học: 53 tiết/35 tuần

 Số tiết thực dạy: 44 tiết – 18 bài

 Số tiết ôn tập: 5 tiết

 Số tiết kiểm tra (Giữa kì, cuối học kì): 2 tiết x 2 kỳ = 4 tiết

Học kì 1: 2 tiết/ tuần x 18 tuần = 36 tiết

Học kì 2: 1 tiết/ tuần x 17 tuần = 17 tiết

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Tiết** | **Bài học** | **Số tiết** | **Yêu cầu cần đạt** | **Ghi chú** |
|  **Học kì I: 2 tiết/ tuần x 18 tuần = 36 tiết** |
| **LỜI MỞ ĐẦU** |
| **1** | **1** | Bài 1: Sử dụng một số hoá chất, thiết bị cơ bản trong phòng thí nghiệm | 3 tiết | - Nhận biết được một số dụng cụ hoá chất và nêu được quy tắc sử dụng hoá chất an toàn. - Nhận biết được một số thiết bị điện và trình bày được cách sử dụng điện an toàn. | Tiết 1: I, II.1Tiết 2: II.2,III.1 đến III.2Tiết 3: III.3 |
| **2** |
| **2** | **3** |
| **CHƯƠNG VII: SINH HỌC CƠ THỂ NGƯỜI** |
|  | **4** | Bài 30. Khái quát về cơ thể người | 1 tiết | - Nêu được tên và vai trò chính của các cơ quan và hệ cơ quan trong cơ thể người. - Vận dụng được những hiểu biết về các bộ phận trên cơ thể vào việc chăm sóc và rèn luyện cơ thể. |  |
| **3** | **5** | Bài 31. Hệ vận động ở người | 3 tiết | - Nêu được chức năng của hệ vận động ở người.- Dựa vào sơ đồ (hoặc hình vẽ), mô tả được cấu tạo sơ lược các cơ quan của hệ vận động.- Phân tích được sự phù hợp giữa cấu tạo với chức năng của hệ vận động. Liên hệ được kiến thức đòn bẩy vào hệ vận động.- Trình bày được một số bệnh, tật liên quan đến hệ vận động và một số bệnh về sức khoẻ học đường liên quan đến hệ vận động (ví dụ cong vẹo cột sống). Nếu được một số biện pháp bảo vệ các cơ quan của hệ vận động và cách phòng chống các bệnh, tật.- Nêu được ý nghĩa của tập thể dục, thể thao và chọn phương pháp luyện tập thể thao phù hợp (tự đề xuất được một chế độ luyện tập cho bản thân nhằm nâng cao thế lực và thể hình).- Vận dụng được hiểu biết về hệ vận động và các bệnh học đường để bảo vệ bản thân và tuyên truyền, giúp đỡ cho người khác. - Vận dụng được hiểu biết về lực và thành phần hoá học của xương để giải thích sự có cơ, khả năng chịu tải của xương.- Nêu được tác hại của bệnh loãng xương.- Thực hành: Thực hiện được sơ cứu và băng bó khi người khác bị gãy xương; tìm hiểu được tình hình mắc các bệnh về hệ vận động trong trường học và khu dân cư. | Tiết 1: ITiết 2: II,IIITiết 3: IV |
|  | **6** |
| **4** | **7** |
| **8** | Bài 32. Dinh dưỡng và tiêu hoá ở người | 4 tiết | - Trình bày được chức năng của hệ tiêu hoá; kể tên được các cơ quan của hệ tiêu hoá; nêu được chức năng của mỗi cơ quan và sự phối hợp các cơ quan thể hiện chức năng của cả hệ tiêu hoá.- Trình bày được chế độ dinh dưỡng của con người ở các độ tuổi. Nêu được nguyên tắc lập khẩu phần ăn cho con người. Thực hành xây dựng chế độ dinh dưỡng cho bản thân và những người trong gia đình.- Nêu được một số bệnh về đường tiêu hoá và cách phòng chống các bệnh đó; vận dụng để phòng chống các bệnh về tiêu hóa cho bản thân và gia đình.- Nêu được khái niệm định dưỡng, chất dinh dưỡng; mối quan hệ giữa tiêu hoá và dinh dưỡng.- Trình bày được một số vấn đề về an toàn thực phẩm.- Vận dụng được hiểu biết về vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP) để đề xuất các biện pháp lựa chọn, bảo quản, chế biến, chế độ ăn uống an toàn cho bản thân và gia đình; đọc và hiểu được ý nghĩa của các thông tin ghi trên nhãn hiệu bao bì thực phẩm và biết cách sử dụng thực phẩm đó một cách phù hợp.- Thực hiện được dự án điều tra về VSATTP tại địa phương; dự án điều tra một số bệnh đường tiêu hóa trong trường học hoặc tại địa phương. | Tiết 1: I,IITiết 2: IIITiết 3: IV,VTiết 4:VI |
| **5** | **9** |
| **10** |
| **6** | **11** |
| **12** | Bài 33. Máu và hệ tuần hoàn của cơ thể người | 4 tiết | - Nêu được chức năng của máu, các thành phần của máu và chức năng của mỗi thành phần. - Nếu được khái niệm nhóm máu và vai trò của việc hiểu biết về nhóm máu trong thực tiễn.- Trình bày được khái niệm miễn dịch, kháng nguyên, kháng thể; vai trò của vaccine và tiêm vaccine trong việc phòng bệnh; cơ chế miền dịch trong cơ thể người.- Nêu được một số bệnh về máu, tim mạch và cách phòng chống; vận dụng được hiểu biết về máu và tuần hoàn để bảo vệ bản thân và gia đình.- Kể tên được các cơ quan của hệ tuần hoàn; nêu được chức năng của mỗi cơ quan và sự phối hợp các cơ quan thể hiện chức năng của cả hệ tuần hoàn.- Thực hiện được tình huống giả định cấp cứu người bị chảy máu, tai biến, đột quỵ; băng bó vết thương khi bị chảy nhiều máu; thực hiện được các bước đo huyết áp.- Thực hiện được dự án, bài tập: Điều tra bệnh cao huyết áp, tiểu đường và tìm hiểu được phong trào hiến máu nhân đạo ở địa phương. | Tiết 1: I.1,I.2Tiết 2: I.3Tiết3:II,IIITiết 4: IV,V |
| **7** | **13** |
| **14** |
| **8** | **15** |
| **16** | **Ôn tập giữa học kì I** | 1 tiết |  |  |
| **9** | **17** | **Kiểm tra, đánh giá giữa HKI** | 1 tiết |  |  |
| **18** | Bài 34. Hệ hô hấp ở người | 3 tiết | - Nêu được cấu tạo và chức năng của hệ hô hấp; nêu được chức năng của mỗi cơ quan và sự phối hợp các cơ quan thể hiện chức năng của cả hệ hô hấp. - Nêu được một số bệnh về phổi, đường hô hấp và cách phòng chống; vận dụng được hiểu biết về hô hấp để bảo vệ bản thân và gia đình.- Trình bày được vai trò của việc chống ô nhiễm không khí liên quan đến các bệnh về hô hấp.- Điều tra được một số bệnh về đường hô hấp trong trường học hoặc tại địa phương. - Thực hiện được tình huống giả định hô hấp nhân tạo, cấp cứu người đuối nước; thiết kế được áp phích tuyên truyền không hút thuốc lá; đưa ra được quan điểm nên hay không nên hút thuốc lá và kinh doanh thuốc lá. | Tiết 1: ITiết 2: II,IIITiết 3: IV |
| **10** | **19** |
| **20** |
| **11** | **21** | Bài 35. Hệ bài tiết ở người | 2 tiết  | - Nêu được chức năng của hệ bài tiết.- Dựa vào hình ảnh hay mô hình, kể tên được các cơ quan của hệ bài tiết nước tiểu.- Dựa vào hình ảnh sơ lược, kể tên được các bộ phận chủ yếu của thận.- Trình bày được một số bệnh về hệ bài tiết và cách phòng chống các bệnh đó. - Vận dụng được hiểu biết về hệ bài tiết để bảo vệ sức khoẻ.- Thực hiện được dự án, bài tập: Điều tra bệnh về thận như sỏi thận, viêm thận,... trong trường học hoặc tại địa phương.- Tìm hiểu được một số thành tựu ghép thận, chạy thận nhân tạo. | Tiết 1: I,IITiết 2: III,IV |
| **22** |
| **12** | **23** | Bài 36. Điều hoà môi trường trong của cơ thể người | 1 tiết | - Nêu được khái niệm môi trường trong của cơ thể.- Nếu được khái niệm cân bằng môi trường trong và vai trò của sự duy trì ổn định môi trường trong của cơ thể (ví dụ nồng độ glucose, nồng độ muối, urea, uric acid và pH trong máu). - Đọc và hiểu được thông tin một ví dụ cụ thể về kết quả xét nghiệm nồng độ glucose và uric acid trong máu. |  |
| **24** | Bài 37. Hệ thần kinh và các giác quan ở người | 3 tiết | - Nêu được cấu tạo và chức năng của hệ thần kinh. Nêu được chức năng của các giác quan, giác quan thị giác và thính giác.- Trình bày được một số bệnh về hệ thần kinh và cách phòng các bệnh đó.- Nêu được tác hại của các chất gây nghiện đối với hệ thần kinh. Không sử dụng các chất gây nghiện và tuyên truyền hiểu biết cho người khác.- Kể tên được các bộ phận của mắt và sơ đồ đơn giản quá trình thu nhận ánh sáng. Liên hệ được kiến thức truyền ánh sáng trong thu nhận ánh sáng ở mắt.- Kể tên được các bộ phận của tai và sơ đồ đơn giản quá trình thu nhận âm thanh. Liên hệ được cơ chế truyền âm thanh trong thu nhận âm thanh ở tai.- Trình bày được một số bệnh về thị giác, thính giác, cách phòng chống các bệnh đó và vận dụng để bảo vệ bản thân và người thân trong gia đình.- Tìm hiểu được các bệnh và tật về mắt trong trường học, tuyên truyền chăm sóc và bảo vệ đôi mắt. | Tiết 1: ITiết 2:II.1Tiết 3: II.2 |
| **13** | **25** |
| **26** |
|  **14** | **27** | Bài 38. Hệ nội tiết ở người | 3 tiết | - Kể được tên và nêu được chức năng của các tuyến nội tiết. - Nêu được một số bệnh liên quan đến hệ nội tiết (tiểu đường, bướu cổ do thiếu iodine,...) và cách phòng chống các bệnh đó.- Vận dụng được hiểu biết về các tuyến nội tiết để bảo vệ sức khoẻ bản thân và người thân trong gia đình.- Tìm hiểu được các bệnh nội tiết ở địa phương (tiểu đường, bướu cổ do thiếu iodine,...). | Tiết 1: I.1,I.2Tiết 2: I.3 đến I.5Tiết 3: II |
| **28** |
| **15** | **29** |
| **30** | **Ôn tập cuối học kì I** | 2 tiết |  |  |
| **16** | **31** |
| **32** | **Kiểm tra, đánh giá HKI** | 1 tiết |  |  |
| **17** | **33** | Bài 39. Da và điều hoà thân nhiệt ở người | 2 tiết | - Nêu được cấu tạo sơ lược và chức năng của da.- Trình bày được một số bệnh về da và các biện pháp chăm sóc, bảo vệ và làm đẹp da an toàn; vận dụng được hiểu biết về da để chăm sóc da, trang điểm an toàn cho da.- Tìm hiểu được một số thành tựu ghép da trong y học; các bệnh về da trong trường học hoặc trong khu dân cư.- Nêu được khái niệm thân nhiệt; thực hành được cách đo thân nhiệt và nêu được ý nghĩa của việc đo thân nhiệt.- Nếu được vai trò và cơ chế duy trì thân nhiệt ổn định ở người.- Nêu được vai trò của da và hệ thần kinh trong điều hoà thân nhiệt.- Trình bày được một số phương pháp chống nóng, lạnh cho cơ thể; một số biện pháp chống cảm lạnh, cảm nóng; thực hiện được tình huống giả định cấp cứu khi cảm nóng hoặc cảm lạnh. | Tiết 1: ITiết 2: II |
|  | **34** |
| **18** | **35** | Bài 40. Sinh sản ở người ( tiết 1,2) | 3 tiết | - Nêu được chức năng của hệ sinh dục ở người.- Kể được tên các cơ quan và trình bày được chức năng của các cơ quan sinh dục nam và nữ.- Nêu và phân biệt được khái niệm thụ tinh và thụ thai ở người.- Nêu được hiện tượng kinh nguyệt và cách phòng tránh thai. | Tiết 1: ITiết 2: II,III |
| **36** |
| **Tổng kỳ I** | **36 tiết** |  |  |
|  **Học kì II: Từ tuần 19 đến hết tuần 35: 17 tuần x 1 tiết/tuần = 17 tiết** |
| **Chương VII – SINH VẬT VÀ MÔI TRƯỜNG** |
| **19** | **37** | Bài 40. Sinh sản ở người ( tiết 3) | 3 tiết | - Kể tên được một số bệnh lây truyền qua đường sinh dục và trình bày được cách phòng chống các bệnh đó.- Nêu được ý nghĩa và các biện pháp bảo vệ sức khoẻ sinh sản vị thành niên. Vận dụngđược hiểu biết về sinh sản để bảo vệ sức khoẻ bản thân.- Điều tra được sự hiểu biết của HS trong trường về sức khoẻ sinh sản vị thành niên (an toàn tình dục). | Tiết 3: IV |
| **20** | **38** | Bài 41. Môi trường sống và các nhân tố sinh thái | 2 tiết | - Nêu được khái niệm môi trường sống của sinh vật; phân biệt được bốn loại môi trường sống chủ yếu và lấy được ví dụ minh hoạ. - Nếu được khái niệm nhân tố sinh thái; phân biệt được nhân tố vô sinh và hữu sinh; lấy được ví dụ minh hoạ các nhân tố và ảnh hưởng của nhân tố sinh thái lên đời sống sinh vật.- Trình bày được khái niệm và lấy được ví dụ về giới hạn sinh thái. | Tiết 1: I,IITiết 2: III |
| **21** | **39** |
| **22** | **40** | Bài 42. Quần thể sinh vật | 1 tiết | - Phát biểu được khái niệm quần thể sinh vật.- Nêu được các đặc trưng cơ bản của quần thể sinh vật và lấy được ví dụ minh hoạ.- Nếu được một số biện pháp bảo vệ quần thể. |  |
| **23** | **41** | Bài 43. Quần xã sinh vật | 1 tiết | - Phát biểu được khái niệm quần xã sinh vật.- Nêu được một số đặc trưng cơ bản của quần xã. Lấy được ví dụ minh hoạ.- Nêu được một số biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học trong quần xã. |  |
| **24** | **42** | Bài 44. Hệ sinh thái ( tiết 1) | 3 tiết | - Phát biểu được khái niệm hệ sinh thái. Lấy được ví dụ về các kiểu hệ sinh thái (hệ sinh thái trên cạn, hệ sinh thái nước mặn, hệ sinh thái nước ngọt).  | Tiết 1:I |
| **25** | **43** | **Ôn tập giữa học kì II** | 1 tiết |  |  |
| **26** | **44** | **Kiểm tra, đánh giá giữa HKII** | 1 tiết |  |  |
| **27** | **45** | Bài 44. Hệ sinh thái (tiết 2,3) | 3 tiết | - Nếu được khái niệm chuỗi thức ăn, lưới thức ăn, sinh vật sản xuất, sinh vật tiêu thụ, sinh vật phân giải, tháp sinh thái. Lấy được ví dụ chuỗi thức ăn, lưới thức ăn trong quần xã.- Quan sát sơ đồ vòng tuần hoàn của các chất trong hệ sinh thái, trinh bày được khái quát quá trình trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng trong hệ sinh thái. - Nêu được tầm quan trọng của bảo vệ một số hệ sinh thái điển hình của Việt Nam: các hệ sinh thái rừng, hệ sinh thái biển và ven biển, các hệ sinh thái nông nghiệp.- Thực hành: Điều tra được thành phần quần xã sinh vật trong một hệ sinh thái. | Tiết 2:II,IIITiết 3: IV |
| **28** | **46** |
| **29** | **47** | Bài 45. Sinh quyển | 1 tiết | - Nêu được khái niệm sinh quyển.- Nhận biết được các khu sinh học trên Trái Đất.- Điều tra được hiện trạng ô nhiễm môi trường ở địa phương.  |  |
| **30** | **48** | Bài 46. Cân bằng tự nhiên (tiết 1) | 2 tiết | - Nêu được khái niệm cân bằng tự nhiên.- Trình bày được các nguyên nhân gây mất cân bằng tự nhiên.- Phân tích được một số biện pháp bảo vệ, duy trì cân bằng tự nhiên. | Tiết 1: I |
| **31** | **49** | **Ôn tập cuối học kì II** | 1 tiết |  |  |
| **32** | **50** | **Kiểm tra, đánh giá cuối HKII** | 1 tiết |  |  |
| **33** | **51** | Bài 46. Cân bằng tự nhiên (tiết 2) | 2 tiết | - Nêu được khái niệm cân bằng tự nhiên.- Trình bày được các nguyên nhân gây mất cân bằng tự nhiên.- Phân tích được một số biện pháp bảo vệ, duy trì cân bằng tự nhiên. | Tiết 2: II |
| **34** | **52** | Bài 47. Bảo vệ môi trường | 2 tiết | - Trình bày được tác động của con người đối với môi trường qua các thời kì phát triển xã hội; tác động của con người làm suy thoái môi trường tự nhiên và vai trò của con người trong ; bảo vệ, cải tạo môi trường tự nhiên.- Nêu được khái niệm ô nhiễm môi trường. Trình bày được một số nguyên nhân và biện pháp hạn chế ô nhiễm môi trường.- Nêu được khái niệm khái quát về biến đổi khí hậu và biện pháp thích ứng.- Trình bày được sự cần thiết phải bảo vệ động vật hoang dã có nguy cơ tuyệt chủng. | Tiết 1: I,IITiết 2: III,IV |
| **35** |  **53 tiết** |
| **Tổng kỳ II** |  **17 tiết** |  |  |
| **Tổng cả năm** |  **53 tiết** |  |  |